| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**<br>**TỈNH THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 114/2020/QĐST-HNGĐ | *Đ, Ngày 04 tháng 9 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 153/2020/TLST-HNGĐ Ny 03 tháng 8 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1969
- Bị đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1970

Cùng địa chỉ: Xóm ĐT, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 Ny 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2020.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

## QUYẾT ĐỊNH:

**1**. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Lê Văn T và bà Trần Thị N.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Trần Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Cả hai đương sự đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Lê Văn H (đã chết) và Lê Thị Phương T1, sinh năm 1992, đã trưởng thành, có

đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên Toà án không giải quyết về vấn đề con chung.

- Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Hai bên đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu toà án giải quyết.

- Về án phí: Ông Lê Văn T tự nguyện nộp 150.000,đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước; Được trừ vào số tiền 300.000,đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ theo biên lai số 0016722 ngày 03/8/2020. Hoàn trả cho ông T 150.000,đ tạm ứng án phí đã nộp.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA-DS huyện Đ;
- TAND tỉnh;
- Lưu HS vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Quang Tuấn**